**TOÀ ÁN NHDÂN**
**THỊ XÃ ĐIỆN BÀN**
**TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 106 /2020/HNGĐ-ST*
*Ngày 24/4/2020*
*Về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

**NHDANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHDÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Trịnh Thị Thúy Vân

*Các Hội thẩm nHdân*:

1/ Bà Nguyễn Thị Nam Hải

2/ Ông Trương Đắc Hưng

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nHdân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát kiểm sát nHdân thị xã Điện Bàn*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nHdân thị xã Điện Bàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2019/TLST - HNGĐ, ngày 16/12/2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2020, giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1984 (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Châu Hồng B – Sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Điện H. thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N bày:*

*Về hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Châu Hồng B kết hôn vào ngày 26/9/2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Ông, bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B bài bạc, gái gú, rượu chè, nợ nần, vay nóng rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con. Vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 12/2019 đến nay. Nay, bà N không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp

tục chung sống với ông B được nữa nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Châu Hồng B.

*Về nuôi con chung*: có 02 con chung, Nguyễn B T, sinh ngày: 25/3/2007; Nguyễn B H, sinh ngày: 17/3/2017. Hiện nay con Nguyễn B T đang sống cùng với ông bà nội và ba còn Nguyễn B H đang sống cùng với bà N, khi ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn B H và giao con Nguyễn B T cho ông B nuôi dưỡng, các bên tự nuôi con và không cấp dưỡng cho nhau.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra bà N không có ý kiến gì khác.

***Đối với bị đơn ông Nguyễn Châu Hồng B:***

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập ông đến Tòa làm việc nhưng ông cố tình trốn tránh không đến Tòa nên không có lời trình bày của ông B và không thực hiện được việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật;

+ Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận đơn khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Châu Hồng B. Về con chung: giao con Nguyễn B T cho ông Nguyễn Châu Hồng B, giao con Nguyễn B H cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Châu Hồng B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Châu Hồng B kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật B vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh từ kinh tế. Bà N cho rằng ông B bài bạc, rượu chè, trai gái và có hành vi ngược đãi bà nên vợ chồng thường xuyên cãi vả và không chung sống cùng nhau từ tháng 12/2019 đến nay. Bà N không còn tình cảm, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông B nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn. Đối với ông B, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông B theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông B không

đến Tòa, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến thể hiện mong muốn được đoàn tụ chung sống. Do đó, xét thấy hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Châu Hồng B.

[3] *Về nuôi con chung*: có 02 con chung; Nguyễn B T, sinh ngày: 25/3/2007 và Nguyễn B H, sinh ngày: 17/3/2017. Khi ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi con nhỏ là Nguyễn B H và giao con Nguyễn B T cho ông B nuôi dưỡng. Trường hợp này xét thấy: Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Châu Hồng B không đến Tòa, không có ý kiến thể hiện nguyện vọng đối với việc nuôi con chung. Tuy nhiên, tại Bản khai ngày 15/01/2020 của con Nguyễn B T thể hiện mong muốn được ở với ba vì hiện nay con đang ở nhà ông bà nội cùng với ba để đi học; Đối với con Nguyễn B H hiện đang sống cùng với bà N bà N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con cũng như xem xét theo nguyện của con và để đảm B ổn định môi trường sống cho các con nên Hội đồng xét xử giao con Nguyễn B T cho ông Nguyễn Châu Hồng B và giao Nguyễn B H cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên tự lực nuôi con, không cấp dưỡng cho nhau.

[4] *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì *các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nHvà gia đình; Điều 17 luật phí và lệ phí, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Châu Hồng B.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con Nguyễn B T, sinh ngày: 25/3/2007 cho ông Nguyễn Châu Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn B H, sinh ngày: 17/3/2017 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. (Nguyễn B T đang sống cùng với ông B; Nguyễn B H đang sống cùng với bà N)

Các bên tự lực nuôi con, không cấp dưỡng cho nhau và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002280 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà N đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
-UBND xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc
- Lưu hồ sơ, án văn
- Thi hành án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Thị Thúy Vân**